

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4874/GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 28 tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-BQL ngày 18/01/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng dự án Woosung Electronics Việt Nam” do Công ty TNHH Woosung Electronics Việt Nam làm chủ đầu tư tại Lô K2, KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng;

Xét Văn bản số 2810/WoosungE ngày 28/10/2022 của Công ty TNHH Woosung Electronics Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Văn bản số 0712/CV WoosungE ngày 07/12/2022 của Công ty TNHH Woosung Electronics Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Woosung Electronics Việt Nam” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Woosung Electronics Việt Nam, địa chỉ tại Lô K2, khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Woosung



Electronics Việt Nam” tại Lô K2, Khu công nghiệp Trảng Duệ, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Woosung Electronics Việt Nam”

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô K2, Khu công nghiệp Trảng Duệ, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 4321127646 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chứng nhận lần đầu ngày 30/12/2015 và chứng nhận điều chỉnh lần thứ 06 ngày 10/06/2020. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201703482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 08/01/2016 và cấp chứng nhận thay đổi lần thứ 04 ngày 24/06/2020.

1.4. Mã số thuế: 0201703482

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất linh phụ kiện cho xe có động cơ; sản xuất khung bàn phím sử dụng cho các thiết bị điện tử; sản xuất linh phụ kiện cho các thiết bị điện, điện tử; sản xuất khuôn các loại; gia công các sản phẩm nêu trên và cho thuê văn phòng, nhà xưởng dôi dư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất sử dụng: 30.000 m²

- Quy mô, công suất:

+ Vỏ linh kiện điện thoại di động: 36.000.000 sản phẩm/năm tương đương 1.576 tấn/năm;

+ Vỏ linh kiện cho hệ thống âm thanh trên xe ô tô: 3.600.000 sản phẩm/năm tương đương 720 tấn/năm;

+ Khung bàn phím sử dụng cho các thiết bị điện tử: 25.200.000 sản phẩm/năm tương đương 1.260 tấn/năm;

+ Linh phụ kiện cho các thiết bị điện, điện tử: 96.000.000 sản phẩm/năm tương đương 192 tấn/năm;

+ Khuôn các loại (lõi khuôn): 400 sản phẩm/năm tương đương 6 tấn/năm;

+ Cho thuê văn phòng, nhà xưởng dôi dư: 3.500 m².

Tổng công suất: 160.800.400 sản phẩm/năm tương đương 3.754 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Woosung Electronics Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Woosung Electronics Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm

(từ ngày 28 tháng 12 năm 2022 đến ngày 28 tháng 12 năm 2029).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND: xã Hồng Phong, huyện An Dương;
- Công ty TNHH Woosung Electronics Việt Nam;
- C.ty CP KCN Sài Gòn – Hải Phòng;
- Các Phòng: QLTMNT, QHXD, QLĐT, HTGS, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Ngọc Hải

NG. TP. HẢI P.

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số ...~~4874~~.../GPMT-BQL ngày .28. tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau khi xử lý của Dự án được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tràng Duệ, không xả ra môi trường).

- Công ty TNHH Woosung Electronics Việt Nam đã ký Hợp đồng thuê đất số 53/HĐTĐ-TD/2016 ngày 12/01/2016 với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Tràng Duệ).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

* Đối với Công ty TNHH Woosung Electronics Việt Nam:

- Nước thải nhà vệ sinh, nước rửa tay chân được xử lý qua 05 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 73 m³, sau đó theo đường ống thu gom thoát ra hố thu gom nước thải cuối của Nhà máy, đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Tràng Duệ.

- Nước thải nhà bếp phát sinh từ bếp ăn được thu gom về bể tách dầu mỡ dung tích 10 m³. Nước thải sau khi tách dầu mỡ theo đường ống thu gom và thoát ra hố ga thu gom nước thải cuối của Nhà máy, đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Tràng Duệ.

- Nước từ máy phay (CNC) linh kiện cắt ước được tuần hoàn tái sử dụng, định kỳ 3-6 tháng thải bỏ, được dẫn về hố ga cuối cùng của dự án, đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Tràng Duệ.

* Đối với các đơn vị thuê nhà xưởng:

- Nước thải nhà vệ sinh, nước rửa tay chân được xử lý qua 02 bể tự hoại 3 ngăn, 01 bể dung tích 12 m³ tại xưởng B, 01 bể dung tích 15 m³ tại xưởng D (*sử dụng chung với Công ty TNHH Woosung Electronics Việt Nam*) sau đó theo đường ống thu gom thoát ra hố thu gom nước thải cuối của Nhà máy, đưa về trạm xử lý nước thải tập trung



của KCN Trảng Duệ.

**Ghi chú: Công ty TNHH Woosung Electronics Việt Nam chịu trách nhiệm xử lý đối với toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại dự án (bao gồm nước thải của dự án và nước thải của các đơn vị thuê nhà xưởng) trước khi thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Trảng Duệ.*

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

** Đối với Công ty TNHH Woosung Electronics Việt Nam:*

- Nước thải nhà vệ sinh, nước rửa tay chân → 05 bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga cuối cùng của Nhà máy → Trạm XLNT tập trung của KCN Trảng Duệ.

- Nước thải nhà bếp → 01 bể tách dầu mỡ → Hồ ga cuối cùng của Nhà máy → Trạm XLNT tập trung của KCN Trảng Duệ.

- Nước từ máy phay CNC cắt ướt → Đường ống dẫn → Hồ ga cuối cùng của Nhà máy → Trạm XLNT tập trung của KCN Trảng Duệ.

** Đối với các đơn vị thuê nhà xưởng:*

- Nước thải nhà vệ sinh, nước rửa tay chân → 02 bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga cuối cùng của Nhà máy → Trạm XLNT tập trung của KCN Trảng Duệ.

Công suất thiết kế:

+ 05 bể tự hoại, tổng dung tích 73 m³ (xưởng A: 02 bể, dung tích từng bể lần lượt là: 15 m³, 23 m³; xưởng B: 01 bể, dung tích 12 m³; xưởng C: 01 bể, dung tích 8 m³; xưởng D: 01 bể, dung tích 15 m³).

+ 01 bể tách mỡ, dung tích 10 m³.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã xây dựng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án đã hoàn thành quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải và có Văn bản số 1957/BQL-TNMT ngày 21/06/2022 của Ban Quản lý Khu kinh



tế Hải Phòng về việc thông báo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đối với dự án “Mở rộng dự án Woosung Electronics Việt Nam”.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Trảng Duệ, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Trảng Duệ để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4874.../GPMT-BQL ngày 22.. tháng 12 năm 2022
của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do bụi, khí thải sau khi xử lý của dự án thoát trực tiếp trong nhà xưởng, không thải ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Mạng lưới thu gom, xử lý bụi, khí thải quá trình sấy trộn hạt nhựa: Bụi phát sinh từ quá trình sấy trộn hạt nhựa tại xưởng A và xưởng B được lọc thông qua thiết bị thu gom, lọc bụi được lắp đặt đồng bộ với các máy sấy, trộn hạt nhựa. Khí sạch thoát trực tiếp trong nhà xưởng, phần bụi sẽ được thu gom và xử lý cùng chất thải công nghiệp của Nhà máy.

- Mạng lưới thu gom, xử lý bụi, khí thải quá trình phay (CNC) linh kiện:

+ Mạng lưới thu gom, xử lý bụi, khí thải tại máy phay (CNC) cắt khô: Bụi, bavia nhựa phát sinh trong quá trình phay (CNC) linh kiện được xử lý thông qua thiết bị thu gom bụi lắp đặt đồng bộ với mỗi máy phay (CNC) cắt khô. Bavia nhựa, bụi rơi xuống thùng chứa phía dưới máy, được thu gom và xử lý cùng chất thải công nghiệp của Nhà máy, khí sạch thoát trực tiếp trong nhà xưởng.

+ Mạng lưới thu gom, xử lý bụi, khí thải tại máy phay (CNC) cắt ướt: Bụi, bavia nhựa phát sinh trong quá trình phay (CNC) linh kiện được xử lý thông qua thiết bị thu gom bụi lắp đặt đồng bộ với mỗi máy phay (CNC) cắt ướt. Trong quá trình phay tự động có sử dụng nước phun áp lực lớn vào bề mặt lưỡi phay, bụi cùng dòng nước lẫn bavia rơi xuống thùng chứa phía dưới máy. Bavia, bụi lớn được giữ lại trên tấm lưới lọc, phần nước thu về đáy thùng để lắng cặn chất bẩn, được thu gom về hố ga cuối cùng của dự án và đầu nối với trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Trảng Duyệt. Khí sạch thoát trực tiếp trong nhà xưởng.

- Mạng lưới thu gom, xử lý bụi, khí thải tại máy (CNC) sản xuất lõi khuôn: Tại mỗi máy sản xuất lõi khuôn, dung dịch cắt gọt lẫn bụi, phoi kim loại được thu gom, lọc bụi, cặn qua hệ thống đồng bộ với máy và tuần hoàn lại sản xuất. Phần phoi thải,



dung dịch cắt gọt thay thế định kỳ được thu gom, xử lý cùng CTNH. Hơi dầu khoáng phát sinh trong công đoạn này được quạt hút thu vào đường ống dẫn về tháp xử lý, hơi dầu được giữ lại trên bề mặt màng lọc cacbon bố trí trong thiết bị. Khí sạch thoát trực tiếp trong nhà xưởng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ của từng hệ thống xử lý:

+ Hệ thống thu gom, xử lý bụi khí thải quá trình sấy trộn hạt nhựa:

Bụi, khí thải từ các máy sấy, trộn hạt nhựa tại xưởng A → Bộ lọc bụi filter (công suất 2,8 – 5,7 m³/phút/thiết bị) → Miệng xả trực tiếp trong nhà xưởng.

Bụi, khí thải từ các máy sấy, trộn hạt nhựa tại xưởng B → Bộ lọc bụi túi vải (công suất 2,2 – 4,2 m³/phút/thiết bị) → Miệng xả trực tiếp trong nhà xưởng.

+ Hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải quá trình phay (CNC) linh kiện:

Bụi, khí thải từ máy cắt ướt → Thiết bị đập bụi bằng nước → Miệng xả trực tiếp trong nhà xưởng.

Bụi, khí thải từ máy cắt khô → Thiết bị thu gom bụi → Miệng xả trực tiếp trong nhà xưởng.

+ Hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải tại máy (CNC) sản xuất lõi khuôn:

Hơi dầu khoáng tại máy sản xuất lõi khuôn → Thiết bị xử lý màng lọc cacbon (công suất 1,5 kW/thiết bị) → Miệng xả trực tiếp trong nhà xưởng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc để giảm thiểu đáng kể lượng khí thải độc hại phát thải ra môi trường.

- Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, quần áo, mũ bảo hộ, khẩu trang chống độc... cho cán bộ nhân viên làm việc tại khu vực phát sinh bụi, khí thải và nâng cao ý thức thực hiện an toàn lao động của người lao động trong Công ty.

- Đảm bảo vận hành hệ thống đúng theo quy trình đã xây dựng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án đã hoàn thành quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải và có Văn bản số 1957/BQL-TNMT ngày 21/06/2022 của Ban Quản lý Khu kinh

tế Hải Phòng về việc thông báo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đối với dự án “Mở rộng dự án Woosung Electronics Việt Nam”.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo quy định trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên kiểm tra vận hành các thiết bị trong hệ thống thông gió nhà xưởng, hệ thống thu gom, xử lý bụi.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.



Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4874/GPMT-BQL ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Hoạt động của máy nén khí. Tọa độ: X(m) = 2307966; Y(m) = 584154.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên cân chỉnh và bảo dưỡng (*tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt*) các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.
- Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với máy móc thiết bị sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.3. Trên đường giao thông nội bộ, đặc biệt là vị trí khu vực cổng ra vào của Công ty quy định giảm tốc độ của các phương tiện vận tải.

2.4. Các xe chuyên chở cần phải bảo dưỡng định kỳ. Bố trí các xe chuyên chở vào các thời điểm thích hợp, tránh những giờ cao điểm gây ùn tắc giao thông.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4874.../GPMT-BQL ngày ...28... tháng 12 năm 2022
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Danh mục	Trạng thái	Khối lượng dự báo (kg/năm)	Mã số CTNH
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (gồm có: hạt ion thải, lưới lọc, giấy lọc, giẻ lau găng tay, vải bảo vệ thải)	Rắn	180	18 02 01
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	38	19 06 05
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	330	17 02 03
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại có thành phần nguy hại	Rắn	300	18 01 02
5	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	300	18 01 03
6	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác (Bavia, phoi từ quá trình gia công tạo hình)	Rắn	150	07 03 11
7	Dầu gốc khoáng không có hợp chất halogen hữu cơ thải từ quá trình gia công tạo hình (dầu bôi trơn thải)	Lỏng	585	07 03 02
8	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	780	07 01 06
Tổng			2.663 kg/năm	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: bao gồm bavia nhựa, sản phẩm lỗi hỏng, thùng bìa Carton, túi nilon, bộ lọc bụi, màng lọc, dây đồng thải...: **155.522 kg/năm ~ 498 kg/ngày.**

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 141.336 kg/năm ~ 453 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 10 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ và đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: diện tích 38,5 m²;

- Thiết kế, cấu tạo: Tường bao và mái che, mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Rác thải rắn thông thường được phân loại và sắp xếp tại kho lưu giữ, đảm bảo vệ sinh, không có nguy cơ bị rò rỉ, lẫn với các loại rác thải khác; đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các loại thùng rác nhựa có dung tích khác nhau để phân loại chất thải (tại khu vực nhà ăn, phòng làm việc bố trí thùng rác nhỏ, dung tích 20 lít/thùng; tại nhà xưởng, khuôn viên cơ sở là thùng rác lớn dung tích 100 lít/thùng).

- Khu vực lưu chứa: Thùng chứa được đặt tại khu vực xưởng, nhà văn phòng, khuôn viên nhà máy, nhà ăn để thuận tiện cho việc thu gom, phân loại rác sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4874.../GPMT-BQL ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường theo quy định nếu để xảy ra sự cố môi trường.

